

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHỢ MỚI Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 70/2025/HN-ST

Ngày: 19-3-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly

2. Ông Võ Lâm Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 845/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày, bà và ông Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu và sống chung vào năm 2004, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng ghen tuông thường bạo hành nên bà về nhà cha mẹ ruột sống. Gia đình ông T có dàn xếp hàn gắn vợ chồng nhưng không được. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thái P, sinh

ngày 12/3/2006 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; Trần Thái Kim Q, sinh ngày 04/10/2007, hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thái Kim Q1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án của bà L và triệu tập hợp lệ để giải quyết, nhưng ông T vắng mặt không lý do, nên không ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ông Trần Văn T đã được tổng đạt để tham gia phiên tòa, nhưng ông vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L xin ly hôn ông Trần Văn T.

Về con chung: Bà Lê Thị L được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thái Kim Q, sinh ngày 04/10/2007, hiện đang sống với bà L. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về hình thức: Bà Lê Thị L khởi kiện xin ly hôn ông Trần Văn T có nơi cư trú ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng ông T vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn T là có căn cứ

[2]- Về nội dung: Bà Lê Thị L và ông Trần Văn T sống chung vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo qui định. Vợ chồng sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng thường bạo hành, nên bà về nhà cha mẹ ruột sống. Gia đình ông T có dàn xếp hàn gắn vợ chồng, nhưng không được. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà L xin ly hôn ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L và ông T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt Thông báo vụ án xin ly hôn của bà L, nhưng ông T không có ý kiến gì và

vắng mặt trong các buổi hòa giải, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc bà L xin ly hôn ông T là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Bà L xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thái P, sinh ngày 12/3/2006 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; Trần Thái Kim Q, sinh ngày 04/10/2007, hiện đang sống với bà L. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thái Kim Q, bà không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con phải được xem xét trên cơ sở điều kiện nuôi dưỡng và bảo đảm sự ổn định và không làm ảnh hưởng tâm lý đối với con chung, hiện nay cháu Q đang sống ổn định và có nguyện vọng sống với bà L sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó yêu cầu của bà L phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu này.

Do bà L yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2]- Về quan hệ tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]- Về nợ chung: Bà L xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L xin ly hôn ông Trần Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị L được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thái Kim Q, sinh 04/10/2007, hiện đang sống với bà L. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận bà L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà L, ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0023820 ngày 13/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

6. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Điền B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức